

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt công bố mới, sửa đổi, bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến; bổ sung danh mục thủ tục hành chính được cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến và bổ sung danh mục thủ tục hành chính chưa đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc các sở, ban ngành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh sách công bố mới, sửa đổi, bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến; bổ sung danh mục thủ tục hành chính được cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến và danh mục thủ tục hành chính chưa đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum (tại địa chỉ: <https://dichvucong.kontum.gov.vn>), Cổng Dịch vụ công quốc gia (tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>), cụ thể:

1. Phê duyệt mới và sửa đổi 41 danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gồm: công bố mới 22 danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến (14 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 08 dịch

vụ công trực tuyến một phần); sửa đổi 19 danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến (*11 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 08 dịch vụ công trực tuyến một phần*).

2. Phê duyệt bổ sung 02 danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh được cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp.

3. Phê duyệt bổ sung 02 danh mục thủ tục hành chính chưa đáp ứng yêu cầu triển khai việc tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Phê duyệt bãi bỏ 19 danh mục thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gồm: 16 dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh và 03 dịch vụ công trực tuyến cấp xã.

(Có 04 Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Các dịch vụ công trực tuyến không nêu tại Điều 1 Quyết định này, được giữ nguyên thực hiện theo Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và theo Phụ lục V tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 về danh mục 36 dịch vụ công trực tuyến tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh được giảm 50% lệ phí theo chính sách về phí và lệ phí theo Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có dịch vụ công trực tuyến được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng tiến độ, chất lượng theo quy định; rà soát, tham mưu điều chỉnh phê duyệt quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh được cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp; thực hiện thanh toán trực tuyến các nghĩa vụ tài chính liên quan đến thủ tục hành chính trên nền tảng thanh toán của Cổng Dịch vụ công quốc gia; tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Viễn thông Kon Tum thực hiện việc kiểm thử, cập nhật, tích hợp các dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia theo danh mục, thời gian thực hiện tại Quyết định này; rà soát xây dựng biểu mẫu điện tử đối với các dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần đã tích hợp.

4. Các sở, ban ngành thường xuyên rà soát danh mục thủ tục hành chính được cập nhật, sửa đổi, bổ sung và lấy ý kiến các cơ quan, địa phương liên quan; trên cơ sở thủ tục hành chính đã rà soát, tái cấu trúc của Bộ ngành Trung ương, định kỳ trước ngày 25 hằng tháng gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến thực hiện trên địa bàn tỉnh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ trực tuyến.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP UBND tỉnh (đ/b);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- Viễn thông Kon Tum (p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.VĐT.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc

Phụ lục I
DANH SÁCH CÔNG BỐ MỚI, SỬA ĐỔI DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG
TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN
(Kèm theo Quyết định số 102 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ DVCTT		Cấp thực hiện	Lộ trình thực hiện
			Toàn trình	Một phần		
I	LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC					
1	2.002676.H34	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
2	1.013004.H34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia		Một phần	Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
3	1.013005.H34	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia		Một phần	Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
II	LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ					
1	1.013058.H34	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương		Một phần	Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
2	1.000998.H34	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ		Một phần	Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
3	1.000965.H34	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ		Một phần	Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025

4	2.001433.000.00.00.H34	Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương		Một phần	Cấp Tỉnh	Sửa đổi mức độ DVCTT, áp dụng từ tháng 02/2025
5	2.001434.000.00.00.H34	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương		Một phần	Cấp Tỉnh	Sửa đổi mức độ DVCTT, áp dụng từ tháng 02/2025
III	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG					
1	1.013036.H34	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
2	1.013037.H34	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
3	2.002683.H34	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
4	2.002684.H34	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
5	2.002685.H34	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
6	1.004070.H34	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025

7	1.004062.H34	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
8	1.002564.H34	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
9	1.001189.H34	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
10	1.001178.H34	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT -BYT	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
11	1.001114.H34	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025

IV	LĨNH VỰC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN					
1	1.009249.H34	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
V	LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM					
1	1.001396. H34	Cung cấp thuốc phóng xạ	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
VI	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH					
1	1.012261.H34	Cho phép thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa		Một phần	Cấp Tỉnh	Sửa đổi mức độ DVCTT, áp dụng từ tháng 02/2025
2	1.012262.H34	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật		Một phần	Cấp Tỉnh	Sửa đổi mức độ DVCTT, áp dụng từ tháng 02/2025
3	1.012278.H34	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		Một phần	Cấp Tỉnh	Sửa đổi mức độ DVCTT, áp dụng từ tháng 02/2025
VII	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI					
1	1.012991.H34	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội		Một phần	Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
2	1.012992.H34	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội		Một phần	Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025
3	1.012993.H34	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài		Một phần	Cấp Tỉnh	Phê duyệt mới, áp dụng từ tháng 02/2025

VIII	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP					
1	1.003388.000.00.00.H34	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
2	1.003371.000.00.00.H34	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
3	1.003618.000.00.00.H34	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
IX	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI					
1	1.008408.000.00.00.H34	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
2	1.008409.000.00.00.H34	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
3	1.008410.000.00.00.H34	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
X	LĨNH VỰC THỦY SẢN					

1	1.004692.000.00.00.H34	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
2	1.004923.000.00.00.H34	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
3	1.004680.000.00.00.H34	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
4	1.004656.000.00.00.H34	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
5	1.004921.000.00.00.H34	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
6	1.004913.000.00.00.H34	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)		Một phần	Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)
7	1.004915.000.00.00.H34	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng		Một phần	Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện

		thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)				từ tháng 11/2023)
8	1.004918.000.00.00.H34	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)		Một phần	Cấp Tỉnh	Sửa đổi tên Lĩnh vực (DVCTT đã thực hiện từ tháng 11/2023)

Phụ lục II**DANH SÁCH BỔ SUNG DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
KHI NỘP HỒ SƠ BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN***(Kèm theo Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)*

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định khi nộp hồ sơ trực tiếp	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm dành cho nộp hồ sơ trực tuyến	Lộ trình thực hiện
A	CẤP TỈNH				
I	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH				
1	1.012279.H34	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	20 ngày	18 ngày	Từ tháng 02/2025
2	1.012281.H34	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	15 ngày	14 ngày	Từ tháng 02/2025

Phụ lục III
DANH SÁCH BỔ SUNG DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHƯA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
(Kèm theo Quyết định số 102 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố Danh mục TTHC	Lý do chưa đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến
A	CẤP TỈNH			
I	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG			
1	1.013034.H34	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	Thành phần hồ sơ yêu cầu cung cấp 02 ảnh chân dung cỡ 2x3 dán vào thẻ, không thực hiện kí qua môi trường điện tử
2	1.013035.H34	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	Thành phần hồ sơ yêu cầu cung cấp 02 ảnh chân dung cỡ 2x3 dán vào thẻ, không thực hiện kí qua môi trường điện tử

Phụ lục IV**DANH SÁCH BÃI BỎ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN***(Kèm theo Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)*

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố Danh mục DVCTT	Lý do bãi bỏ dịch vụ công trực tuyến
A	CẤP TỈNH			
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ			
1	1.001623.H34	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Dịch vụ công trực tuyến không đủ điều kiện kiểm thử và công khai theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. Cổng Dịch vụ công quốc gia không duyệt kiểm thử, công khai, lý do: Cơ sở đào tạo phải được cơ quan cấp phép kiểm tra, đánh giá tại cơ sở.
II	LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC			
1	1.012299.H34	Thủ tục thi tuyển viên chức	DVCTT một phần đã được phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Dịch vụ công trực tuyến không đủ điều kiện kiểm thử và công khai theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. Cổng Dịch vụ công quốc gia không duyệt kiểm thử, công khai, lý do: Cá nhân phải đến trực tiếp để thi/sát hạch/phỏng vấn.
2	1.012300.H34	Thủ tục xét tuyển viên chức	DVCTT một phần đã được phê duyệt tại Quyết định số	Dịch vụ công trực tuyến không đủ điều kiện kiểm thử và công khai theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2023/TT-

			657/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	VPCP. Cổng Dịch vụ công quốc gia không duyệt kiểm thử, công khai, lý do: Cá nhân phải đến trực tiếp để thi/sát hạch/phỏng vấn.
III	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH			
1	1.012080.H34	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Dịch vụ công trực tuyến không đủ điều kiện kiểm thử và công khai theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. Cổng Dịch vụ công quốc gia không duyệt kiểm thử, công khai, lý do: Chưa được Bộ VHTTDL công bố đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình.
2	1.012081.H34	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Dịch vụ công trực tuyến không đủ điều kiện kiểm thử và công khai theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. Cổng Dịch vụ công quốc gia không duyệt kiểm thử, công khai, lý do: Chưa được Bộ VHTTDL công bố đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình.
3	1.012082.H34	Thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Dịch vụ công trực tuyến không đủ điều kiện kiểm thử và công khai theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. Cổng Dịch vụ công quốc gia không duyệt kiểm thử, công khai, lý do: Chưa được Bộ VHTTDL công bố đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn

				trình.
IV	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG			
1	1.006422.000.00.00.H34	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	DVCTT một phần đã được phê duyệt tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	TTHC đã được bãi bỏ tại Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.006431.000.00.00.H34	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	DVCTT một phần đã được phê duyệt tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	TTHC đã được bãi bỏ tại Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.004471.000.00.00.H34	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	TTHC đã được bãi bỏ tại Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	1.004477.000.00.00.H34	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	TTHC đã được bãi bỏ tại Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
V	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP			
1	1.000065.000.00.00.H34	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	DVCTT một phần đã được phê duyệt tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	TTHC đã được bãi bỏ tại Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

VI LĨNH VỰC DẦU KHÍ				
1	2.000427.000.00.00.H34	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	DVCTT một phần đã được phê duyệt tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	TTHC đã được bãi bỏ tại Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 28/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2.000433.000.00.00.H34	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	DVCTT một phần đã được phê duyệt tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	TTHC đã được bãi bỏ tại Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 28/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	2.000453.000.00.00.H34	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³	DVCTT một phần đã được phê duyệt tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	TTHC đã được bãi bỏ tại Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 28/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
VII LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC				
1	1.001005.000.00.00.H34	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	TTHC đã được bãi bỏ tại Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 28/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2.000459.000.00.00.H34	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	TTHC đã được bãi bỏ tại Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 28/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

B	CẤP XÃ			
I	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			
1	1.004082.000.00.00.H34	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Dịch vụ công trực tuyến không đủ điều kiện kiểm thử và công khai theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. Cổng Dịch vụ công quốc gia không duyệt kiểm thử, công khai, lý do: Không thuộc danh mục DVCTT toàn trình do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.
II	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH			
1	1.012084.H34	Thủ tục Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã)	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Dịch vụ công trực tuyến không đủ điều kiện kiểm thử và công khai theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. Cổng Dịch vụ công quốc gia không duyệt kiểm thử, công khai, lý do: Chưa được Bộ VHTTDL công bố đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình.
2	1.012085.H34	Thủ tục Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	DVCTT toàn trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Dịch vụ công trực tuyến không đủ điều kiện kiểm thử và công khai theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. Cổng Dịch vụ công quốc gia không duyệt kiểm thử, công khai, lý do: Chưa được Bộ VHTTDL công bố đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình.